



TẠP CHÍ

Khoa học Kiểm sát

JOURNAL OF PROCURATORATE STUDIES

ISSN 2354-063X



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI
HANOI PROCURATORATE UNIVERSITY

SỐ 04 (31)
2019



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

Số 04 (31)
2019

ISSN 2354-063X

MỤC LỤC

Trang

LÊ CẨM

Khái niệm tội phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành và định hướng tiếp tục hoàn thiện trong tương lai (Kỳ 2 và hết)

3

TRINH TIẾN VIỆT

Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý trong pháp luật hình sự Việt Nam trước thách thức Cách mạng công nghiệp 4.0 (Kỳ 1)

9

NGUYỄN VĂN THỦY

Vấn đề miễn chấp hành hình phạt

20

VƯƠNG THỊ HÀ

Một số vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và giải pháp hoàn thiện

30

NGUYỄN XUÂN PHONG

Một số nguyên nhân và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

36

PHẠM XUÂN THẮNG

Quy định pháp luật về chức năng đại diện chủ sở hữu toàn dân của Nhà nước đối với đất đai - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện

41

LÊ THỊ THU HẰNG

Hoàn thiện pháp luật về hạn chế quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013

50

BÙI ĐỨC HẬU

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

58

PHẠM THỊ TRANG

Hợp đồng có giá trị lớn theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ, pháp luật của Vương quốc Anh và một số gợi ý cho Việt Nam

61



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

N° 04 (31)
2019

ISSN 2354-063X

INDEX

Page

LE CAM	Crime definition under Vietnamese criminal laws currently and orientations to continuously complete in the future (Period 2 and end)	3
TRINH TIEN VIET	Continuing to innovate legal thinking in Vietnamese criminal law before the challenge of Industrial Revolution 4.0 (Period 1)	9
NGUYEN VAN THUY	Some matters about penalty remission	20
VUONG THI HA	Several obstacles insentence determination for under 18-year-old person committing the crimes and completing solutions	30
NGUYEN XUAN PHONG	Some causes and solutions to improve the prevention of property theft crime in Phan Rang-Thap Cham city, Ninh Thuan province	36
PHAM XUAN THANG	Legal regulations on the State's function in representing the entire-people ownership for land - Some obstacles and recommendations	41
LE THI THU HANG	Completing legal regulations on restricting human rights and citizens rights according to the Constitution in 2013	50
BUI DUC HAU	Some solutions to enhance efficiency of sanctioning administrative violations in managing conditional business lines	58
PHAM THI TRANG	Great value contracts under the United States of America and the United of Kingdom's laws and some suggestions for Vietnam	61

KHÁI NIỆM TỘI PHẠM THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN TRONG TƯƠNG LAI (KỲ 2 VÀ HẾT)

LÊ CẨM*

7. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự (PLHS) từ lâu đã cho thấy, việc xác định đúng từng đặc điểm (dấu hiệu) trong số tất cả 05 đặc điểm (dấu hiệu) của tội phạm đã được phân tích trên đây sẽ có tác dụng lớn về mặt nhận thức khoa học vì đem đến một loạt các lợi ích xã hội sau:

7.1. Việc xác định đúng đặc điểm *thứ nhất* - tội phạm là hành vi *nguy hiểm cho xã hội*" có tác dụng ở chỗ: 1) Nó giúp cho *thực tiễn lập pháp hình sự* của nhà nước được thuận lợi, vì dựa trên đặc điểm này nhà làm luật có *cơ sở khách quan và chính xác* để tội phạm hóa (đưa một hành vi nào đó vào danh mục những hành vi bị coi là các tội phạm) hoặc phi tội phạm hóa (đưa một hành vi nào đó ra khỏi danh mục những hành vi bị coi là các tội phạm); 2) Nó không cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) một người khi người đó chưa thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể trong thực tế khách quan và; 3) Nó góp phần loại trừ sự *giáo điều* và *máy móc pháp lý* như là một thái cực trong *thực tiễn áp dụng PLHS* - khi mà người áp dụng PLHS chỉ căn cứ vào các quy định của luật thực định mà không hề tính đến bản chất xã hội của hành vi cụ thể tương ứng được thực hiện trong thực tế khách quan.

7.2. Việc xác định đúng đặc điểm *thứ hai* - tội phạm là hành vi *"trái PLHS"* (còn

gọi là *"do PLHS quy định"* hay *"được quy định trong PLHS"* có tác dụng ở chỗ: 1) Nó thể hiện một trong các nguyên tắc tiến bộ của luật hình sự không chỉ trong thực tiễn lập pháp hình sự, mà còn cả trong thực tiễn áp dụng PLHS đó là *nguyên tắc pháp chế*; 2) Nó không cho phép việc áp dụng PLHS theo nguyên tắc tương tự - khi một hành vi nào đó dù là nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa bị luật hình sự cấm (BLHS chưa quy định nó là tội phạm), thì người có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó cũng không phải chịu TNHS; 3) Nó nhằm góp phần loại trừ được sự tùy tiện, đồng thời chống lại sự xâm phạm thô bạo pháp chế, các quyền và tự do của công dân từ phía các cơ quan tư pháp hình sự; 4) Nó hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ khác của luật hình sự có liên quan đến nguyên tắc pháp chế (như: công minh, nhân đạo, bình đẳng trước LHS, trách nhiệm do lỗi và trách nhiệm cá nhân).

7.3. Việc xác định đúng đặc điểm *thứ ba* - tội phạm là hành vi *"có tính chất lỗi của người thực hiện nó"* (hay còn gọi là hành vi *"được thực hiện một cách có lỗi"* có tác dụng ở chỗ: 1) Nó góp phần khẳng định dứt khoát chính sách hình sự (CSHS) của Nhà nước pháp quyền (NNPQ) trong việc bảo vệ các quyền của con người bằng PLHS - không được phép *buộc tội khách quan* đối với con người, tức là truy cứu TNHS một người mà không hề chứng minh được lỗi

* *Giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Giám đốc Trung tâm Luật hình sự & Tội phạm học thuộc Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội*

của người đó trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà tuy về mặt hình thức có dấu hiệu của hành vi nào đó bị luật hình sự cấm; 2) Nó thể hiện một trong các nguyên tắc tiến bộ của Luật hình sự (LHS) - *nguyên tắc trách nhiệm do lỗi của cá nhân*; và 3) Nó hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ khác của PLHS có liên quan đến nguyên tắc này (như: pháp chế, công minh, nhân đạo và trách nhiệm cá nhân).

7.4. Việc xác định đúng đặc điểm *thứ tư* - tội phạm là hành vi “do người có năng lực TNHS thực hiện” (hay còn gọi là “được thực hiện bởi người có năng lực TNHS”) có tác dụng ở chỗ: 1) Nó góp phần khẳng định dứt khoát CSHS của NN PQ trong việc bảo vệ các quyền (BV CQ) con người bằng PLHS - không bao giờ coi người mất năng lực TNHS là chủ thể của tội phạm và vì vậy, người này cũng không bị coi là chủ thể của TNHS; 2) Nó thể hiện một trong các nguyên tắc tiến bộ của PLHS - *nguyên tắc nhân đạo* và; 3) Nó góp phần thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ khác của PLHS có liên quan đến nguyên tắc này (như: pháp chế, công minh, trách nhiệm do lỗi và trách nhiệm cá nhân).

7.5. Việc xác định đúng đặc điểm *thứ năm* - tội phạm là hành vi “do người đủ tuổi chịu TNHS thực hiện” (hay còn gọi là “được thực hiện bởi người đủ tuổi chịu TNHS theo luật định”) có tác dụng ở chỗ: 1) Nó khẳng định CSHS của NN PQ trong việc BV CQ của người chưa thành niên bằng PLHS - không bao giờ coi người *chưa đủ tuổi* chịu TNHS là chủ thể của *tội phạm* và đồng thời là chủ thể của TNHS; 2) Nó thể hiện một trong các nguyên tắc tiến bộ của PLHS -

nguyên tắc nhân đạo và; 3) Nó góp phần thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ khác của PLHS có liên quan đến nguyên tắc này (như: pháp chế, công minh, trách nhiệm do lỗi và trách nhiệm cá nhân).

III. Phân biệt hành vi phạm tội với hành vi vi phạm pháp luật khác và với hành vi trái đạo đức

1. Nhận thức khoa học về các tiêu chí cơ bản để phân biệt các phạm trù trong khoa học LHS

1.1. Khái niệm và nội hàm tiêu chí để phân biệt

Khi nghiên cứu vấn đề này, trước hết cần lưu ý rằng, trong khoa học LHS có thể có nhiều quan điểm khác nhau nhưng theo GS.TS. Nguyễn Như Ý thì về mặt ngôn ngữ, *tiêu chí* được hiểu là “*Đặc trưng, dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ để nhận biết, xếp loại các sự vật, các khái niệm*”¹. Như vậy, xuất phát từ cách hiểu này của GS.TS. Nguyễn Như Ý, theo quan điểm chúng tôi, dưới góc độ khoa học LHS có thể đưa ra định nghĩa khoa học (ĐNKH) của khái niệm đang được đề cập như sau: *Tiêu chí cơ bản để phân biệt các phạm trù trong khoa học LHS là dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ để nhận biết, so sánh những điểm giống nhau và/hoặc khác nhau của chúng - các phạm trù (khái niệm) tương ứng.* Từ ĐNKH của khái niệm này cho thấy, *nội hàm* của nó bao gồm 02 đặc điểm chủ yếu sau: 1) Là *dấu hiệu làm cơ sở, căn cứ để nhận biết, so sánh...* và; 2) Đối tượng để nhận biết, so sánh là gì (?) - *những điểm giống nhau và/hoặc khác*

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), Đại từ điển tiếng Việt. NXB Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, 2010, tr.1580

nhau của các phạm trù (khái niệm) tương ứng trong khoa học LHS.

1.2. Hệ thống các tiêu chí để phân biệt

Như vậy, với khái niệm 01 tiêu chí đã nêu trên, cần phải xác định cho được hệ thống (số lượng) các tiêu chí cơ bản để phân biệt những điểm *khác nhau* và *giống nhau* chủ yếu của các phạm trù (đối tượng) được nghiên cứu mà các phạm trù đó ở đây gồm có 03 loại hành vi - hành vi phạm tội, hành vi vi phạm pháp luật (VPPL) khác và hành vi trái đạo đức. Việc phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật (bao gồm cả PLHS) ở Việt Nam từ trước đến nay đã cho phép khẳng định rằng: Có tất cả 08 tiêu chí cơ bản để *phân biệt* những điểm *khác nhau* chủ yếu của hành vi phạm tội với hành vi VPPL khác và với hành vi *trái đạo đức*, mà cụ thể là: 1) Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi (ở đây bao gồm cả tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội); 2) Phạm vi khách thể xâm hại của hành vi; 3) Thiệt hại (hậu quả) xảy ra; 4) Tính trái pháp luật của hành vi; 5) Chủ thể của hành vi khách quan được thực hiện; 6) Chủ thể của trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra do hành vi khách quan gây nên; 7) Hậu quả của việc thực hiện hành vi; và 8) Mức độ nghiêm khắc của chế tài pháp lý xử lý vi phạm.

2. Những điểm khác nhau chủ yếu của hành vi phạm tội với hành vi VPPL khác (tức hành vi VPPL phi hình sự) có thể nhận thấy khi phân tích 02 loại hành vi này trên cơ sở 08 tiêu chí so sánh cơ bản đã nêu trên trong Bảng I ở cuối bài viết này.

3. Những điểm khác nhau chủ yếu của hành vi phạm tội và hành vi trái (vi phạm) đạo đức có thể nhận thấy khi phân

tích 02 loại hành vi này theo 08 tiêu chí so sánh cơ bản trong Bảng II ở cuối bài viết này.

4. Những điểm giống nhau chủ yếu của hành vi phạm tội với hành vi VPPL khác có thể nhận thấy khi *so sánh* theo 03 mặt (bình diện hoặc phương diện) - khách quan (1), pháp lý (2) và chủ quan của chúng (3). Nói một cách khác, chúng ta cần phải căn cứ vào 03 bình diện này để xác định các tiêu chí cơ bản khi so sánh, cụ thể là:

4.1. Về mặt *khách quan*, chúng đều là những hành vi *nguy hiểm cho xã hội* ở các mức độ khác nhau và được thực hiện bằng hành động (hoặc không hành động), xâm hại đến các quan hệ xã hội (QHXX) nhất định được bảo vệ bởi từng ngành luật tương ứng (như: PLHS, pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật môi trường, v.v...).

4.2. Về mặt *pháp lý* (hình thức), chúng đều là những hành vi *trái pháp luật* - bị cấm bằng các văn bản pháp luật - VBPL (Bộ luật hoặc Luật) và người vi phạm điều cấm cần phải bị xử lý bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước được quy định trong từng ngành luật tương ứng.

4.3. Và cuối cùng, về mặt *chủ quan*, chúng đều là những hành vi có tính chất *lỗi* - được thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý bởi người có năng lực trách nhiệm pháp lý và đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý được quy định trong từng ngành luật tương ứng.

IV. Định hướng tiếp tục hoàn thiện định nghĩa pháp lý của khái niệm tội phạm trong pháp luật hình sự Việt Nam tương lai

1. Từ sự phân tích khoa học trên đây

về các quy phạm trong BLHS năm 2015 về ĐNPL *khái niệm tội phạm* (tại khoản 1 Điều 8), theo quan điểm của chúng tôi dưới góc độ kỹ thuật lập pháp (KTLP) thì kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể nhằm *tiếp tục sửa đổi - bổ sung (SDBS) và hoàn thiện* các quy phạm này trong Dự thảo BLHS Việt Nam tương lai cần được triển khai theo hướng như sau:

1.1. Về mặt *cấu trúc* và về mặt *logic pháp lý* - việc liệt kê các khách thể loại bị xâm hại của tội phạm (tại khoản 1 Điều 8) cần đảm bảo được sự *chặt chẽ và nhất quán*, đồng thời cần phải đầy đủ và ngắn gọn để sao cho định nghĩa pháp lý (ĐNPL) của khái niệm tội phạm sẽ đạt được tính tổng hợp và khái quát cao, tức là các khách thể loại mà tội phạm xâm hại đến được liệt kê trong khái niệm tội phạm tại Điều đã nêu phải *thống nhất và phù hợp với các khách thể mà BLHS nước ta có nhiệm vụ bảo vệ* đã được ghi nhận tại Điều 1 “*Nhiệm vụ của PLHS Việt Nam*”. Nói một cách khác, trong ĐNPL của khái niệm tội phạm nhà làm luật chỉ cần liệt kê các khách thể loại chủ yếu thuộc **04** nhóm quan hệ xã hội (QHXX) lớn, chủ yếu và quan trọng hơn cả là: 1) Những cơ sở của chế độ Hiến pháp Việt Nam; 2) Nhân thân (hoặc muốn cho đầy đủ hơn thì cụ thể hóa phạm trù “*nhân thân*” này bằng các khách thể trực tiếp tương ứng như: “*tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm*”); 3) Các quyền và tự do của con người; 4) Hòa bình và an ninh của nhân loại.

1.2. Về mặt *khoa học*, để đảm bảo tính chính xác thì cần phải bổ sung thêm vào ĐNPL của khái niệm tội phạm (tại khoản

1 Điều 8) một đặc điểm thứ năm của tội phạm (như đã được phân tích trên đây) - *do người “đủ tuổi chịu TNHS thực hiện”*.

1.3. Về sự *khả thi về mặt thực tiễn* (tức là để cho phù hợp với các QHXX - cần quy định sao cho tạo ra được sự thuận lợi hơn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong việc áp dụng PLHS, tức là phải đáp ứng được yêu cầu cấp bách của thực tiễn xã hội trong những điều kiện phức tạp của nền kinh tế thị trường, vì thời gian vừa qua vẫn chưa có sự nhận thức thống nhất (thậm chí còn nhận thức sai) của một số cán bộ của các cơ quan này trong quan niệm về việc *hình sự hóa và phi hình sự hóa, tội phạm hóa và phi tội phạm hóa* những hành vi nguy hiểm cho xã hội.

2. Kiến giải lập pháp cụ thể về khái niệm tội phạm trong PLHS Việt Nam hiện hành

Như vậy, chính là xuất phát từ các suy ngẫm đã được chỉ ra tại các chi tiết từ **1.1.** đến **1.3.** trên đây nên nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của PLHS Việt Nam hiện hành thì các quy phạm tại Điều 8 “*Khái niệm tội phạm*” của BLHS năm 2015 đã được chúng tôi đưa ra KGLP cụ thể và công bố tại 01 cuốn sách chuyên khảo đã được Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội in vào tháng 3 năm 2018 rồi nên chính vì vậy, trong bài viết này chúng tôi sẽ không viện dẫn lại nữa để tránh sự trùng lặp không cần thiết².

² Xem cụ thể hơn: Chương 4 “*Tội phạm và phân loại tội phạm*”. Trong: Lê Văn Cẩm (Biên soạn). Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba (Sách chuyên khảo). NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr.476-479.

Bảng I:

TÁM TIÊU CHÍ SO SÁNH CƠ BẢN	HÀNH VI PHẠM TỘI	HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC
I. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi.	I. <i>Cao hơn cả</i> so với tất cả các VPPL khác.	I. <i>Không đáng kể</i> - chưa đến mức phải bị xử lý về hình sự.
II. Phạm vi khách thể xâm hại của hành vi.	II. Thường là <i>hẹp hơn</i> so với khách thể xâm hại của các VPPL khác.	II. <i>Rộng hơn cả</i> (Ví dụ: khách thể xâm hại của các tội quốc sự hay quân chức không thể là khách thể xâm hại của các VPPL khác).
III. Thiệt hại (hậu quả) xảy ra	III. Thường là <i>ngghiêm trọng hơn cả</i> .	III. Thường là <i>ít nghiêm trọng hơn</i> so với tội phạm.
IV. Tính trái pháp luật của hành vi (chính là <i>điểm khác nhau chủ yếu và quan trọng nhất</i> để phân biệt).	IV. Là sự <i>vi phạm điều cấm của PLHS</i> và người phạm tội bị đe dọa xử lý bằng biện pháp cưỡng chế hình sự được quy định trong ngành luật này.	IV. Chỉ là sự <i>vi phạm các quy định của từng ngành luật tương ứng phi hình sự</i> khác nhau và người vi phạm bị đe dọa xử lý bằng các biện pháp cưỡng chế của nhà nước ít nghiêm khắc hơn PLHS được quy định trong đó.
V. Chủ thể của hành vi được thực hiện.	V. Theo PLHS hiện hành <i>chỉ có thể là cá nhân</i> (thể nhân) - con người cụ thể, có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và có lỗi (cố ý hoặc vô ý khi thực hiện tội phạm).	V. Chủ yếu là cá nhân có năng lực trách nhiệm pháp lý và đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý, nhưng đối với một số ngành luật (như: luật hành chính, luật dân sự, v.v...) còn quy định cả pháp nhân nữa.
VI. Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại xảy ra.	VI. Theo BLHS năm hiện hành bao gồm <i>hai</i> loại chủ thể: 1) Cá nhân và cả 2) Pháp nhân thương mại (nếu liên đới với cá nhân có đủ 04 điều kiện nêu tại Điều 75 khi thực hiện hành vi phạm tội).	V. Về cơ bản là cá nhân, nhưng trong một số trường hợp do ngành luật tương ứng quy định thì còn có cả pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý.
VII. Hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi	VII. Chủ thể phải chịu TNHS (nếu bị kết án và bị áp dụng <i>hình phạt</i> , thì còn bị coi là có <i>án tích</i>).	VII. Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý được quy định trong từng ngành luật tương ứng và không bao giờ bị coi là có án tích.
VIII. Mức độ nghiêm khắc của chế tài xử lý vi phạm.	VII. Nghiêm khắc hơn tất cả các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật.	VIII. Tùy thuộc từng ngành luật tương ứng nhưng tất các chế tài pháp lý đều không nghiêm khắc như ở PLHS.

Bảng II:

TÁM TIÊU CHÍ SO SÁNH CƠ BẢN	HÀNH VI PHẠM TỘI	HÀNH VI TRÁI (VI PHẠM) ĐẠO ĐỨC
I. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi.	I. Cao hơn nhiều và thường bao giờ cũng là hành vi trái đạo đức (nhất là các tội phạm do cố ý).	I. Không đáng kể vì chưa đến mức phải bị xử lý bằng pháp luật và cũng không phải lúc nào cũng là tội phạm.
II. Phạm vi khách thể xâm hại của hành vi.	II. Hẹp hơn so với khách thể xâm hại của hành vi trái đạo đức, nhưng cũng có rất nhiều khách thể không phải là lĩnh vực điều chỉnh của các quy phạm đạo đức.	II. Rộng hơn nhiều so với khách thể xâm hại của tội phạm, và thậm chí có cả các quan hệ giữa cá nhân chỉ do các quy phạm đạo đức điều chỉnh (ví dụ: tình yêu, tình bạn, v.v...).
III. Thiệt hại (hậu quả) xảy ra	III. Về mặt vật chất và thể chất thường là nghiêm trọng hơn (Ví dụ: thiệt hại về kinh tế, về tính mạng con người).	III. Về mặt tâm lý-tinh thần đôi khi còn nghiêm trọng hơn so với tội phạm (Ví dụ: nỗi đau khổ suốt đời do bị phản bội trong tình yêu).
IV. Tính trái pháp luật của hành vi (chính là điểm khác nhau chủ yếu và quan trọng nhất để phân biệt).	IV. Là sự vi phạm điều cấm của PLHS và người phạm tội bị đe dọa xử lý bằng biện pháp cưỡng chế hình sự được quy định trong ngành luật này.	IV. Không phải là hành VPPL (kể cả PLHS) và người chỉ có hành vi trái đạo đức đơn thuần không hề bị xử lý bằng biện pháp cưỡng chế tương ứng của Nhà nước được quy định trong ngành luật nào.
V. Chủ thể của hành vi được thực hiện.	V. Theo PLHS hiện hành chỉ có thể là cá nhân (thể nhân) - con người cụ thể, có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và có lỗi (cố ý hoặc vô ý khi thực hiện tội phạm).	V. Không có quy định cụ thể nào về các vấn đề như: chủ thể, năng lực trách nhiệm và độ tuổi của người có hành vi trái đạo đức trong bất kỳ 01 loại giấy tờ, văn bản nào của nhà nước.
VI. Chủ thể phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra.	VI. Theo BLHS năm hiện hành bao gồm hai loại chủ thể: 1) Cá nhân và; 2) Pháp nhân thương mại (nếu liên đới với cá nhân có đủ 04 điều kiện nêu tại Điều 75 khi thực hiện hành vi phạm tội).	VI. Nhìn chung không có văn bản nào của nhà nước quy định nhưng theo một số văn bản của các tổ chức (như Đoàn TNCS, hiệp hội) thì cá nhân vi phạm có thể bị khai trừ ra khỏi tổ chức tương ứng.
VII. Hậu quả của việc thực hiện hành vi	VII. Chủ thể phải chịu TNHS (nếu bị kết án và bị áp dụng hình phạt, thì còn bị coi là có án tích).	VII. Chủ thể tuy không phải chịu trách nhiệm pháp lý (kể cả TNHS), song đôi khi suốt cả đời con người vẫn bị cắn rứt bởi lương tâm của mình hoặc sự lên án, nguyên rủa của dư luận xã hội.
VIII. Mức độ nghiêm khắc của chế tài xử lý vi phạm.	VIII. Nghiêm khắc hơn tất cả các chế tài pháp lý phi hình sự và cả chế tài do vi phạm đạo đức.	VIII. Tùy thuộc tính chất của hành vi trái đạo đức và hậu quả xảy ra nhưng nói chung đều không nghiêm khắc như chế tài pháp lý hình sự.